

Bản án số: 01 /2022/DS - ST

Ngày: 07 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Minh Đoan và ông Trần Văn Trịnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2021/TLST – DS ngày 11 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D

Trụ sở: Tòa nhà C, số 109 phố T, phường C, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy T; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Việt H, chức vụ: Giám đốc chi nhánh T - Ngân hàng TM TNHH MTV D theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ - TGD ngày 16 tháng 02 năm 2017.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Dương N – Phó Giám đốc Chi nhánh T; ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng giao dịch P và ông Đào Duy H – Cán bộ kinh doanh Phòng giao dịch P.

2. Bị đơn: Ông Phùng Văn H, SN 1976 và bà Lê Thị H, SN 1979

Đều đăng ký HKTT và cư trú: Thôn V, xã N, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Ông Đào Duy H có mặt; ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D trình bày:

Ngày 18/3/2011, Ngân hàng TMCP D và ông Phùng Văn H và vợ là bà Lê Thị H đã thống nhất cùng ký Hợp đồng tín dụng số 0110/HĐTD-GPBHK/11 và Khế ước nhận nợ số 01.0110/KUWNN-GPBHK/11, nội dung chi tiết như sau:

- Số tiền vay: 1.200.000.000 đồng (Một tỉ hai trăm triệu đồng)
- Mục đích sử dụng tiền vay: Xây nhà

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút tiền vay lần đầu tiên.
- Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân là 23.5%/năm; Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh hàng tháng theo thông báo của Ngân hàng; Lịch trả nợ gốc và lãi được trả vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ 15/4/2011; Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất vay trong hạn; Ngoài ra còn quy định về lãi phạt chậm trả = 150% lãi suất vay trong hạn/số tiền chậm trả lãi.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất số 255, tờ bản đồ số 3, diện tích 189m² tại Tiểu khu P, thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội, đã được UBND huyện Phú Xuyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 136054 ngày 17/3/2010 mang tên ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1469.2011/HĐTC ngày 16/3/2011 của Văn phòng công chứng Thăng Long và đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngay từ tháng đầu tiên thu nợ, vợ chồng ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay bị chuyển quá hạn. Do không còn khả năng trả nợ nên vợ chồng ông H đã tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp cho GBBank xử lý để thu hồi nợ. Ngày 31/7/2019, GBBank đã hoàn tất thủ tục bán đấu giá tài sản bảo đảm nêu trên cho ông Phùng Văn H1 và vợ là bà Phùng Thị Phương T với giá 724.000.000 đồng.

Sau khi đối trừ số tiền thu được từ việc đấu giá tài sản bảo đảm nêu trên vào khoản vay của ông Hòa, bà Hằng với GBBank, dư nợ còn lại tính đến ngày 07/01/2022 như sau:

- Dư nợ gốc: 330.642.000 đồng
- Dư nợ lãi: 401.981.624 đồng
- Lãi chậm trả gốc: 1.511.800.513 đồng
- Tổng cộng: 2.244.424.137 đồng.

GBBank đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi phạt chậm trả lãi của khoản vay giữa vợ chồng ông H với GBBank.

Nay GBBank khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H phải trả cho GBBank toàn bộ số tiền cả gốc và lãi, số tạm tính đến ngày 07/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 0110/HĐTD/GPBHK/11 ngày 18/03/2011, khế ước nhận nợ số 01.0110/KUNN/GPBHK/11 ngày 18/03/2011 là: 2.244.424.137 đồng. Và số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày 08/01/2022 cho đến khi ông Hòa, bà Hằng thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đồng Bị đơn là ông Phùng Văn H trình bày:

Ông H xác nhận việc vợ chồng ông ký hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, thủ tục đấu giá tài sản bảo đảm như hồ sơ khởi kiện của GBBank. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không còn khả năng tất toán nên vợ chồng ông đã tự nguyện bàn giao tài sản cho GBBank bán đấu giá để thu hồi nợ, sau khi đối trừ số tiền thu được từ việc bán đấu giá tài sản, dư nợ của vợ chồng ông với GBBank tính đến ngày 01/10/2021 là **3.215.052.874đ**, trong đó bao gồm:

- Dư nợ gốc: 330.642.000đ
- Dư nợ lãi: 401.981.624đ
- Lãi phạt chậm trả gốc và lãi: 2.482.429.250đ

Và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký kết kể từ sau ngày 01/10/2021 đến khi trả hết nợ.

Nay phía GBBANK khởi kiện, phía ông H nhận nợ và đề nghị được thỏa thuận với GBBANK nhưng do vợ ông vắng mặt trong tất cả phiên họp, phiên hòa giải nên việc thỏa thuận không thành.

Đại diện VKSND tham gia phiên tòa xác định:

Về tố tụng:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa...

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng các điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự, xử: buộc vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Lê Thị H phải trả cho GBBank số nợ tính đến ngày 07/01/2022 theo đồng theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ là 2.244.424.137đ (Trong đó dư nợ gốc 330.642.000đ, dư nợ lãi 401.981.624đ, lãi chậm trả gốc: 1.511.800.513đ). Kể từ ngày 08/01/2022 vợ chồng ông H còn phải trả GBBank khoản tiền lãi tính trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi trả hết dư nợ gốc.

Trường hợp vợ chồng ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì GBBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đề nghị buộc vợ chồng ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản cùng lời trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; do bị đơn có địa chỉ và cư trú tại thôn V, xã N, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, vì vậy TAND huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 149, 154, 157 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy việc xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngày 18/3/2011, Ngân hàng TMCP D (gọi tắt là GBBank) và vợ chồng ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H đã ký Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ vay số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), mục đích vay để xây nhà, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất ban đầu là 23,5%/năm sau đó áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn/dư nợ gốc, lãi phạt chậm trả bằng 150% lãi xuất trong hạn/số tiền lãi chậm trả.

Căn cứ vào nội dung Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ký kết giữa GBBank với vợ chồng ông H và các tài liệu chứng cứ do phía GBBank xuất trình tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở khẳng định tính đến thời điểm xét xử là ngày 07/01/2022, sau khi trừ số tiền lãi phạt chậm trả lãi thì phía vợ chồng ông H còn nợ GBBank tổng số tiền là:

2.244.424.137đ; trong đó dư nợ gốc 330.642.000đ, dư nợ lãi 401.981.624đ, lãi chậm trả gốc: 1.511.800.513đ.

Xét Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là bình đẳng, tự nguyện, các điều khoản quy định trong hợp đồng về lãi trong hạn, lãi quá hạn... đều không trái với quy định của pháp luật. Mặc dù tài sản bảo đảm đã được bán đấu giá để khấu trừ vào khoản vay nhưng do phía vợ chồng ông H vẫn chưa thanh toán hết nợ nên số tiền còn nợ vẫn được tiếp tục tính lãi theo nội dung thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký kết. Vì vậy, việc GBBank khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H phải trả toàn bộ dư nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn (tức lãi chậm trả gốc) tính đến ngày 07/01/2022 tổng bằng 2.244.424.137đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với khoản lãi phạt chậm trả lãi, do phía GBBank đã rút yêu cầu nên không xét.

Đối với yêu cầu khởi kiện của GBBank về việc buộc vợ chồng ông H còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kể từ ngày 08/01/2022 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ giữa vợ chồng ông Hòa, bà Hằng và GBBank được xác lập bằng hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn hoặc lãi chậm trả, các thỏa thuận về lãi suất là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật... Vì vậy cần buộc vợ chồng ông H phải tiếp tục thanh toán trả GBBank số tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc là hợp lý.

Do việc xử lý tài sản bảo đảm, bán đấu giá tài sản bảo đảm của khoản vay của vợ chồng ông H với GBBank đã được thực hiện theo thỏa thuận của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, các bên không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa xem xét việc xử lý tài sản bảo đảm nên Tòa không xét.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của GBBank được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; phía bị đơn là vợ chồng ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 280, 299, 307, 317, 320, 323, 463 và 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 184, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D (gọi tắt là GBBank), cụ thể:

+ Buộc ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H phải thanh toán trả GBBank số tiền nợ tính đến ngày 07/01/2022 bao gồm:

- Dư nợ gốc: 330.642.000 đồng

- Dư nợ lãi: 401.981.624 đồng

- Lãi chậm trả gốc: 1.511.800.513 đồng

Tổng cộng: 2.244.424.137 đồng. (*Hai tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, một trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày 08/01/2022 cho đến khi thanh toán hết dư nợ gốc, vợ chồng ông Phùng Văn H, bà Lê Thị H còn phải trả GBBank số tiền lãi tính trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0110/HĐTD/GPBHK/11 ngày 18/03/2011 và Khế ước nhận nợ số 01.0110/KUNN/GPBHK/11 ngày 18/03/2011.

+ Trường hợp vợ chồng ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì GBBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án:

- Vợ chồng ông Phùng Văn H và bà Lê Thị H phải nộp 76.888.483 đồng (*Bảy mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV D 48.150.600đ (*Bốn mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn sáu trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0047646 ngày ngày 11/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Phú Xuyên;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Phú Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phùng Văn Phong

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

